

Saigon Cargo service (SCS)

Suy giảm trong ngắn hạn do dịch Covid-19

10/08/2020

Chuyên viên phân tích Công nghệ & Logistic
Nguyễn Anh Tùng
(+84) 24-7303-5333 tungna@kbsec.com.vn

1H2020, doanh thu giảm 9.4% yoy,
LNST giảm 7.7% yoy

Lũy kế 6 tháng đầu năm, doanh thu đạt 327.9 tỷ VND, giảm 9.4% yoy; biên lợi nhuận gộp đạt 78.2%, giảm nhẹ 0.8% so với cùng kỳ; lợi nhuận sau thuế đạt 221.2 tỷ VND, giảm 7.7% yoy.

Dự án mở rộng ga hàng hóa bị hoãn lại do dịch Covid

Do ảnh hưởng của dịch Covid-19, kế hoạch đầu tư giai đoạn 2 ga hàng hóa nâng công suất từ 200,000 tấn/năm lên 350,000 tấn/năm nhiều khả năng sẽ không được thực hiện cho đến khi sản lượng tăng trưởng trở lại. Việc mở rộng ga hàng hóa trong tương lai sẽ đảm bảo đáp ứng các nhu cầu phát sinh tăng thêm, qua đó duy trì tăng trưởng trong dài hạn của SCS.

Các kế hoạch mua bán & sáp nhập vẫn đang trong giai đoạn đàm phán

SCS đang trong quá trình đàm phán để tiến hành đầu tư vào (1) một công ty hoạt động khai thác ga hàng hóa tại sân bay Quốc tế Nội Bài và (2) một doanh nghiệp hoạt động trong chuỗi logistic hàng không khu vực phía Nam. Hiện tại chưa có thông tin cụ thể về công ty đang đàm phán với SCS. Các thương vụ M&A nếu thành công sẽ đem lại động lực tăng trưởng trong dài hạn mới cho SCS.

SCS thông qua phương án chi trả cổ tức tiền mặt 80% cho năm 2019

Tại đại hội cổ đông, SCS đã thông qua phương án chia cổ tức tiền mặt tỷ lệ 80% cho năm 2019 tương đương tỷ suất cổ tức tại ngày 05/08/2020 đạt 7.3%. Với dòng tiền mạnh mẽ và không phát sinh nợ vay trong hoạt động kinh doanh, chúng tôi cho rằng SCS sẽ tiếp tục duy trì tỷ lệ cổ tức tiền mặt cao trong các năm tới.

Chúng tôi khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu SCS

Chúng tôi khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu SCS, giá mục tiêu là 148,500VND/Cổ phiếu, cao hơn 34.9% so với giá đóng cửa ngày 07/08/2020

Mua

Giá mục tiêu 148,500 VND

Tăng/giảm (%)	34.9%
Giá hiện tại (August 07)	VND 110,100
Giá mục tiêu đồng thuận	VND 130,500
Vốn hóa thị trường (tỷ VND/triệu USD)	5,528/1.6

Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	98.5%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND/triệu USD)	3,4/4.1
Sở hữu nước ngoài còn lại (%)	27.3%
Cơ cấu cổ đông	Gemadep (32.58%)

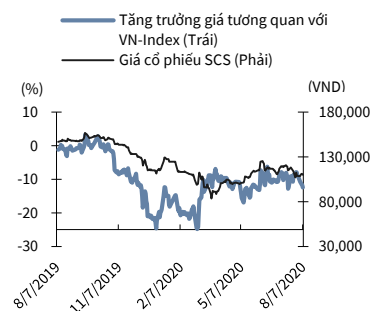
Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
SCS	-8.1	3.5	-2.6	-25.1
VNINDEX	-3.4	0.5	-13.2	-13.6

Dự phóng KQKD & định giá

FY-end	2018A	2019A	2020A	2021E
Doanh số thuần (tỷ VND)	675	748	647	739
Lãi/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh (tỷ VND)	469	540	474	540
Lợi nhuận của cổ đông của công ty mẹ (tỷ VND)	437	502	439	501
EPS (VND)	7,645	8,725	7,625	8,702
Tăng trưởng EPS (%)	26.9%	14.1%	-12.6%	14.1%
P/E (x)	14.40	12.62	14.44	12.65
P/B (x)	7.11	6.31	5.80	5.32
ROE (%)	49.40%	50.01%	40.19%	42.01%
Tỷ suất cổ tức, phổ thông (%)	7.2%	6.6%	6.4%	7.2%

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Kết quả kinh doanh

1H2020, doanh thu giảm 9.4% yoy, LNST giảm 7.7% yoy.

Do ảnh hưởng của dịch Covid-19, sản lượng hàng hóa khai thác của SCS trong Q2/2020 giảm 24.0% khiến doanh thu chỉ đạt 144.2 tỷ VND, giảm 23.7% yoy; lợi nhuận sau thuế đạt 99.7 tỷ VND, giảm 22.6% yoy. Lũy kế 6 tháng đầu năm, doanh thu đạt 327.9 tỷ VND, giảm 9.4% yoy; biên lợi nhuận gộp đạt 78.2%, giảm nhẹ 0.8% so với cùng kỳ; lợi nhuận sau thuế đạt 221.2 tỷ VND, giảm 7.7% yoy.

SCS đẩy mạnh cắt giảm chi phí

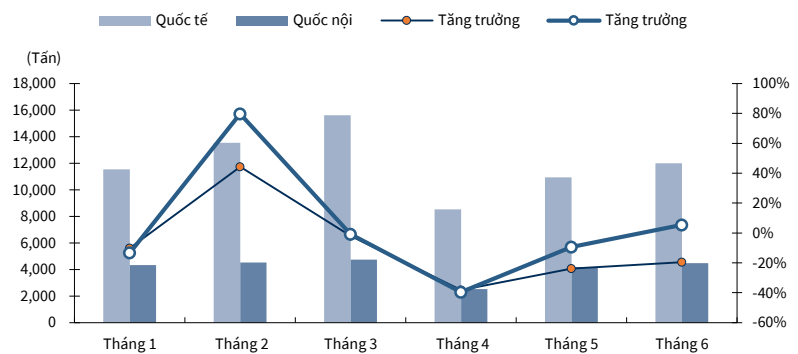
6 tháng đầu năm 2020, SCS đẩy mạnh cắt giảm chi phí để duy trì kết quả kinh doanh. Cụ thể, chi phí nhân công giảm 36% tổng chi phí và giảm 22.3% yoy. Trong khi đó, chi phí dịch vụ mua ngoài đóng góp 30% tổng chi phí cũng giảm 12.2% yoy.

Tỷ lệ nợ phải trả/tổng tài sản đạt 7.7%

SCS tiếp tục duy trì cơ cấu nợ an toàn với tỷ lệ nợ phải trả/tổng tài sản tính đến hết Q2/2020 chỉ ở mức 7.7% trong đó doanh nghiệp không có nợ vay ngân hàng, mọi hoạt động của doanh nghiệp đều được tài trợ từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh.

Sản lượng khai thác tháng 4 giảm mạnh do trong quá trình cách ly xã hội. Bước sang tháng 5, sản lượng quốc nội hồi phục mạnh mẽ và đã có tăng trưởng trở lại trong tháng 6. Trong khi đó, sản lượng khai thác quốc tế hồi phục chậm.

Biểu đồ 1. Tăng trưởng sản lượng 6 tháng đầu năm (YoY)



Nguồn: SCS

Điểm nhấn đầu tư

Triển vọng tăng trưởng kim ngạch xuất nhập khẩu là động lực cho ngành hàng không.

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam duy trì tăng trưởng đều đặn trong những năm vừa qua với CAGR 5 năm đạt 11.7% (biểu đồ 2). 1H2020, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 242.1 tỷ USD, giảm -0.5% yoy do ảnh hưởng của dịch Covid-19, trong đó xuất khẩu giảm 0.9% yoy và nhập khẩu gần như không thay đổi. Theo quan điểm của KBSV, tổng kim ngạch Xuất Nhập khẩu của Việt Nam sẽ tăng trưởng mạnh mẽ trở lại sau khi dịch Covid-19 kết thúc dựa trên: (1) Tác động tích cực từ hiệp định EVFTA và các hiệp định thương mại khác. Theo nghiên cứu của bộ kế hoạch đầu tư, EVFTA giúp kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu của Việt Nam tăng lần lượt 42.7% và 33.1% đến năm 2025; (2) Sự chuyển dịch chuỗi cung ứng toàn cầu. Diễn biến chiến tranh thương mại và dịch Covid-19 khiến các quốc gia xem xét thay đổi địa điểm các cơ sở sản xuất để tránh chịu ảnh hưởng lớn của Trung Quốc và Việt Nam là một điểm đến triển vọng nhờ lực lượng lao động dồi dào, chi phí thấp.

Dự án mở rộng ga hàng hóa bị hoãn lại do dịch Covid

Do ảnh hưởng của dịch Covid-19, kế hoạch đầu tư giai đoạn 2 ga hàng hóa nâng công suất từ 200,000 tấn/năm lên 350,000 tấn/năm nhiều khả năng sẽ không được thực hiện cho đến khi sản lượng tăng trưởng trở lại. Việc mở rộng ga hàng hóa trong tương lai sẽ đảm bảo đáp ứng các nhu cầu phát sinh tăng thêm, qua đó duy trì tăng trưởng trong dài hạn của SCS. Đối với dự án khu văn phòng số 2, SCS đang trong quá trình xin giấy phép với kì vọng có thể thực hiện dự án trong giai đoạn 2021-2022, dự kiến chi phí đầu tư khoảng 10 triệu USD, dự kiến dự án sẽ mang lại lợi nhuận khoảng 30-40 tỷ VND mỗi năm.

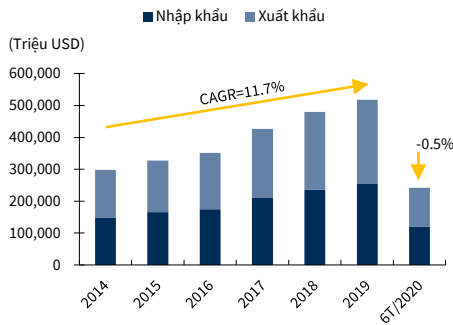
Các kế hoạch mua bán & sáp nhập vẫn đang trong giai đoạn đàm phán

SCS đang trong quá trình đàm phán để tiến hành đầu tư vào một công ty hoạt động khai thác ga hàng hóa tại sân bay Quốc tế Nội Bài. Khu vực này hiện có 3 đối thủ cạnh tranh bao gồm: CTCP Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài (NCT), CTCP Dịch vụ Hàng hóa Hàng không (ACSV) và CTCP Logistics Hàng không (ALS). Hiện tại chưa có thông tin cụ thể về công ty đang đàm phán với SCS. Thương vụ M&A nếu thành công sẽ đem lại động lực tăng trưởng trong dài hạn mới cho SCS khi tiềm năng cho mảng Logistics tại khu vực phía bắc là rất lớn với nhiều khu công nghiệp đang hoạt động, đặc biệt là Samsung và các công ty vệ tinh. Bên cạnh đó, SCS cho biết cũng đang trong quá trình đàm phán với một doanh nghiệp hoạt động trong chuỗi logistic hàng không khu vực phía Nam nhằm hoàn thiện chuỗi giá trị hoạt động.

SCS chi trả cổ tức khá cao cho năm 2019, dự kiến sẽ tiếp tục duy trì trong các năm tới

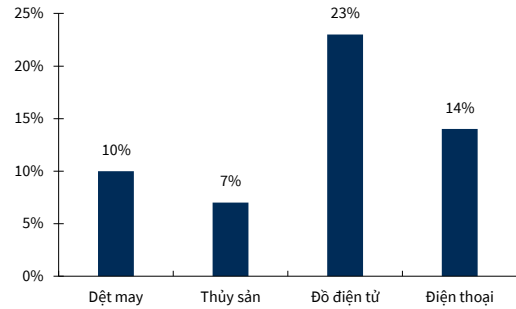
SCS là doanh nghiệp có lịch sử chia trả cổ tức tỷ lệ cao trong một vài năm gần đây. Tại đại hội cổ đông, SCS đã thông qua phương án chia cổ tức tiền mặt tỷ lệ 80% cho năm 2019 tương đương tỷ suất cổ tức tại ngày 07/08/2020 đạt 7.3%. Với dòng tiền mạnh mẽ và không phát sinh nợ vay trong hoạt động kinh doanh, chúng tôi cho rằng SCS sẽ tiếp tục duy trì tỷ lệ cổ tức tiền mặt cao trong các năm tới.

Biểu đồ 2. Tăng trưởng kim ngạch xuất nhập khẩu Việt Nam giai đoạn 2014-2020



Nguồn: GSO

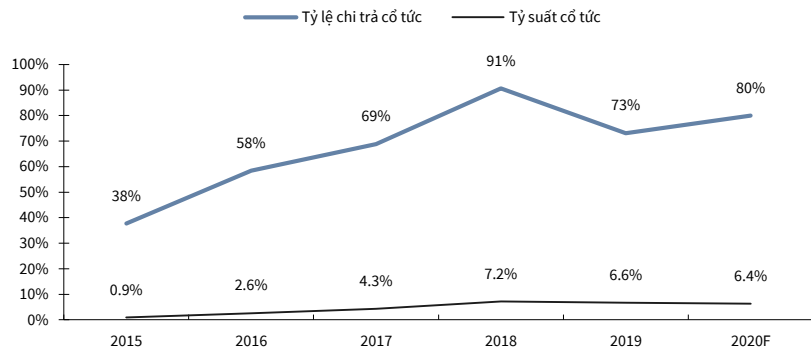
Biểu đồ 3. CAGR 4 năm giá trị xuất khẩu một số nhóm ngành sử dụng vận tải hàng không



Nguồn: GSO

Do không có dự án đầu tư mới nên SCS duy trì tỷ lệ chi trả cổ tức trên 70% trong 3 năm trở lại đây.

Biểu đồ 4. Tỷ lệ chi trả cổ tức tiền mặt thực tế theo năm 2014-2020F



Nguồn: SCS, KBSV

Dự phóng kết quả kinh doanh 2020

Doanh thu và lợi nhuận năm 2020 giảm lần lượt 21% yoy và 22% yoy.

Năm 2020, chúng tôi ước tính doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế lần lượt đạt 591 tỷ VND (-21% yoy) và 392 tỷ VND (-22% yoy), giảm lần lượt 30.3% và 34.6% so với dự phóng ở báo cáo trước do hoạt động của doanh nghiệp chịu ảnh hưởng lớn của dịch Covid-19.

Giá mục tiêu cho năm 2021 là 148,500 VND/cp

Chúng tôi sử dụng 2 phương pháp định giá là chiết khấu dòng tiền chủ sở hữu (FCFE) và chiết khấu dòng tiền doanh nghiệp (FCFF) để định giá cổ phiếu SCS. Mức giá hợp lý của SCS cho năm 2021 đạt 148,500 VND/cp, thấp hơn mức định giá trước đây là 171,700 VND/cp do: (1) ảnh hưởng của dịch Covid-19 khiến kết quả kinh doanh giảm; (2) đưa 2 dự án đầu tư giai đoạn 2 ga hàng hóa và tòa nhà văn phòng 2 vào định giá.

Chúng tôi đánh giá tiềm năng tăng trưởng của SCS còn lớn với triển vọng phát triển của hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam cùng với việc SCS nâng cao công suất thiết kế cho ga hàng hóa. Tuy nhiên, cần lưu ý đến rủi ro hiện hữu liên quan đến dịch Covid-19 trong ngắn trung hạn và sự xuất hiện của sân bay Long Thành trong dài hạn. Dựa trên kết quả định giá, triển vọng kinh doanh cũng như cân đối đánh giá các tác động rủi ro có thể xảy ra, chúng tôi khuyến nghị **MUA** đối với cổ phiếu SCS. Giá mục tiêu cho năm 2021 là 148,500 VND/cp, cao hơn 34.8% so với giá ngày 07/08/2020.

Bảng 10. Dự phóng kết quả kinh doanh 2018-2021F

Tỷ VND	2018A	2019A	2020F	2021F
Doanh thu thuần	675	748	647	739
Giá vốn hàng bán	147	153	139	151
Lợi nhuận gộp	528	595	508	588
Chi phí bán hàng	0	0	0	0
Chi phí quản lý doanh nghiệp	67	68	58	66
Chi phí lãi vay	0	1	-	-
Lợi nhuận trước thuế	467	538	470	536
Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	437	502	439	501

Nguồn: KBSV

Bảng 11. Giả định mô hình định giá FCFE

Giả định mô hình	Giá trị
WACC	10.6%
Lãi suất phi rủi ro	2.9%
Phần bù rủi ro	11.0%
Hệ số Beta	0.73
Tăng trưởng dài hạn	1%
Thời gian dự phóng	6 năm

Nguồn: KBSV

Bảng 15. Tổng hợp các phương pháp định giá – giá mục tiêu

Phương pháp định giá	Giá dự phóng	Tỷ trọng	Giá dự phóng theo tỷ trọng
FCFE	155,140	50%	77,550
FCFF	141,851	50%	70,925
Giá mục tiêu			148,500

Nguồn: KBSV

Bảng 16. Điều chỉnh dự phóng KQKD năm 2020 – Giá mục tiêu

(Tỷ VND, %)	Mới		Cũ		Thay đổi	
	2020	2021	2020	2021	2020	2021
Doanh thu	647	739	849	946	-23.8	-21.9
Lợi nhuận gộp	508	588	658	734	-22.8	-24.8
Lợi nhuận sau thuế	439	501	535	610	-17.9	-17.9

Nguồn: KBSV

Báo cáo Kết quả HĐKD

(Tỷ VNĐ)	2017A	2018A	2019A	2020F
(Báo cáo chuẩn)	VN GAAP	VN GAAP	VN GAAP	
Doanh số thuần	588	675	748	647
Giá vốn hàng bán	135	147	153	139
Lãi gộp	453	528	595	508
Thu nhập tài chính	5	8	14	24
Chi phí tài chính	5	0	1	0
Trong đó: Chi phí lãi vay	4	0	1	0
Lãi/(lỗ) từ công ty liên doanh	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0
Chi phí quản lý doanh nghiệp	66	67	68	58
Lãi/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh	387	469	540	474
Thu nhập khác	1	0	0	0
Chi phí khác	4	2	2	4
Thu nhập khác, ròng	-3	-2	-2	-4
Lãi/(lỗ) ròng trước thuế	384	467	538	470
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	40	30	35	31
Lãi/(lỗ) thuần sau thuế	344	437	502	439
Lợi ích của cổ đông thiểu số	0	0	0	0
Lợi nhuận của Cổ đông của Công ty mẹ	344	437	502	439

Chỉ số hoạt động

(%)	2017A	2018A	2019A	2020F
Tỷ suất lợi nhuận gộp	77.0%	78.2%	79.5%	78.5%
Tỷ suất EBITDA	75.5%	77.3%	79.4%	81.3%
Tỷ suất EBIT	66.0%	69.1%	72.0%	72.7%
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế	65.3%	69.1%	71.9%	72.7%
Tỷ suất lãi hoạt động KD	65.8%	69.4%	72.2%	73.2%
Tỷ suất lợi nhuận thuần	58.6%	64.7%	67.1%	67.9%

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

(Tỷ VNĐ)	2017A	2018A	2019A	2020F
Lãi trước thuế	384	467	538	470
Khấu hao TSCĐ	56	55	55	56
Lãi/(lỗ) từ hoạt động đầu tư	-5	-8	-14	0
Chi phí lãi vay	4	0	1	0
Lãi/(lỗ) trước những thay đổi vốn lưu động	439	515	582	526
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	1	-74	31	24
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	0	0	0	0
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	-26	47	-29	0
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	1	-1	0	-1
Chứng khoán kinh doanh, chi phí lãi vay	-5	0	-1	0
Lưu chuyển tiền tệ ròng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh	375	424	562	518
Tiền mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-4	-3	-14	-9
Tiền thu được từ thanh lý tài sản cố định	0	0	0	0
Tiền cho vay hoặc mua công cụ nợ	-242	-618	-416	0
Tiền thu từ cho vay hoặc thu từ phát hành công cụ nợ	128	594	227	0
Đầu tư vào các doanh nghiệp khác	0	0	0	0
Tiền thu từ việc bán các khoản đầu tư vào các doanh nghiệp khác	0	0	0	0
Cổ tức và tiền lãi nhận được	3	9	8	0
Lưu chuyển tiền tệ ròng từ hoạt động đầu tư	-115	-18	-194	-9
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và vốn góp	5	0	18	0
Chi trả cho việc mua lại, trả lại cổ phiếu	0	0	0	0
Tiền thu được các khoản đi vay	0	0	93	0
Tiền trả các khoản đi vay	-48	0	-93	0
Tiền thanh toán vốn gốc đi thuê tài chính	-24	-10	0	0
Cổ tức đã trả	-237	-396	-367	-351
Tiền lãi đã nhận	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động tài chính	-304	-406	-349	-351
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	-44	0	19	158
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	92	47	47	66
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	47	47	66	224

Nguồn: SCS, KBSV

Bảng cân đối kế toán

(Tỷ VNĐ)	2017A	2018A	2019A	2020F
(Báo cáo chuẩn)	VN GAAP	VN GAAP	VN GAAP	
Tổng Cộng Tài Sản	990	971	1,073	1,155
Tài Sản Ngắn Hạn	236	268	414	543
Tiền và tương đương tiền	47	47	66	224
Giá trị thuần đầu tư ngắn hạn	124	30	180	180
Các khoản phải thu	63	133	127	103
Hàng tồn kho, ròng	0	0	0	0
Tài Sản Dài Hạn	753	703	659	612
Phải thu dài hạn	0	0	0	0
Tài sản cố định	585	536	497	457
Tài sản dở dang dài hạn	7	1	1	1
Đầu tư dài hạn	0	0	0	0
Lợi thế thương mại	0	0	0	0
Nợ Phải Trả	75	86	69	63
Nợ ngắn hạn	54	74	65	59
Phải trả người bán	3	5	4	4
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	7	7	0	0
Vay ngắn hạn	7	0	0	0
Nợ dài hạn	21	12	4	4
Phải trả nhà cung cấp dài hạn	0	0	0	0
Người mua trả tiền trước dài hạn	0	0	0	0
Doanh thu chưa thực hiện	10	12	4	4
Vay dài hạn	3	0	0	0
Vốn Chủ Sở Hữu	914	885	1,004	1,092
Vốn góp	572	572	576	576
Thặng dư vốn cổ phần	21	21	35	35
Lãi chưa phân phối	320	284	385	0
Vốn ngân sách nhà nước và quỹ khác	2	9	9	0
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	0	0	0	0

Chỉ số chính

(x,%,VNĐ)	2017A	2018A	2019A	2020F
Chỉ số định giá				
P/E	8.1	6.4	5.6	6.4
P/E pha loãng	8.1	6.4	5.6	6.4
P/B	3.0	3.1	2.8	2.6
P/S	4.7	4.1	3.7	4.3
P/Tangible Book	2.8	2.9	2.6	2.4
P/Cash Flow	7.4	6.6	5.0	5.4
Giá trị doanh nghiệp/EBITDA	6.3	5.4	4.7	5.3
Giá trị doanh nghiệp/EBIT	7.2	6.0	5.2	6.0
Hiệu quả quản lý				
ROE	37.7%	49.4%	50.0%	40.2%
ROA	34.8%	45.0%	46.8%	38.0%
ROIC	39.3%	52.2%	53.5%	50.6%
Cấu trúc tài chính				
Tỷ suất thanh toán tiền mặt	314.9%	104.8%	381.0%	688.2%
Tỷ suất thanh toán nhanh	311.8%	244.7%	539.8%	802.7%
Tỷ suất thanh toán hiện thời	434.2%	362.7%	641.4%	924.6%
Vốn vay dài hạn/Vốn CSH	0.4%	0.0%	0.0%	0.0%
Vốn vay dài hạn/Tổng Tài sản	0.3%	0.0%	0.0%	0.0%
Vốn vay ngắn hạn/Vốn CSH	0.7%	0.0%	0.0%	0.0%
Vốn vay ngắn hạn/Tổng Tài sản	0.7%	0.0%	0.0%	0.0%
Công nợ ngắn hạn/Vốn CSH	6.0%	8.3%	6.4%	5.4%
Công nợ ngắn hạn/Tổng Tài sản	5.5%	7.6%	6.0%	5.1%
Tổng công nợ/Vốn CSH	8.2%	9.7%	6.9%	5.8%
Tổng công nợ/Tổng Tài sản	7.6%	8.8%	6.4%	5.5%
Chỉ số hoạt động				
Hệ số quay vòng phải thu khách hàng	9.6	6.9	5.8	5.6
Hệ số quay vòng HTK	32,573.5	43,163.0	58,536.3	53,313.0
Hệ số quay vòng phải trả nhà cung cấp	22.0	16.0	38.8	27.0

KHOÍ PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Ví mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Ví mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh
anhtd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ví mô – Thái Thị Việt Trinh
trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng
tungla@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu
hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng
tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga
ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Lê Thành Công
conglt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ngân hàng Tài chính – Nguyễn Thị Thu Huyền
huyenntt@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim
harrison.kim@kbf.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung
dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Thủy sản & Dược phẩm – Nguyễn Thanh Danh
danhnt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Hóa chất – Nguyễn Vinh
vinhn@kbsec.com.vn

Bộ phận Marketing Research

Chuyên viên Marketing Hàn Quốc – Seon Yeong Shin
shin.sy@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.